

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 757 /2024/DS-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện BC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 706/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 588/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.** Địa chỉ: 266-268 NKKN, Phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm: 1973 – Chức danh: Tổng giám đốc. Bà D ủy quyền cho: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng SGTT (Công ty SBA)** theo giấy ủy quyền số 25354/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty SBA: Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1977 – Chức danh: Tổng giám đốc. Theo Giấy ủy quyền số 4677/2024/UQ-TGD ngày 19/12/2023 có người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Gia T**, sinh năm: 1971. Địa chỉ: 862/123 LĐT, Phường 15, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. **Bị đơn: Bà Hoàng Thị Bích H**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: C10/32/9 Ấp 3, xã VLB, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2023, cùng các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Gia T trình bày: Ngày 24/9/2020, Bà H có ký với Ngân hàng TMCP SGTT, hợp đồng để sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng

thẻ tín dụng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Hạn mức tín dụng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ Visa, số thẻ 472074-6580, hạn mức vay: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, lãi suất 2.77%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng. Bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 151.135.467 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 129.686.397 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước. Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước. Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước. Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ. Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ. Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Số tiền đã chuyển toàn bộ dư nợ quá hạn 34.479.260 đồng lẫn gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền còn thiếu tạm tính từ ngày 23/12/2022 đến ngày 25/09/2024 là **65.140.715** (sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười lăm) đồng. Cụ thể là: Số tiền nợ gốc: **34.479.260** (ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi) đồng. Số tiền lãi quá hạn **30.661.455** (ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Bích H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không đến Tòa trình bày yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn bà Hoàng Thị Bích H đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H không đến Tòa tham gia giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H đúng theo quy định các Điều 227, Điều 228, Điều 254 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTG có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng TMCP SGTG là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Xét bị đơn bà Hoàng Thị Bích H hiện đang cư trú tại: C10/32/9 ấp 3, xã VLB, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định: Ngày 24/9/2020. Bà H có ký với Ngân hàng TMCP SGTG, hợp đồng để sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Hạn mức tín dụng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ Visa, số thẻ 472074-6580, hạn mức vay: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, lãi suất 2.77%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 151.135.467 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 129.686.397 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước. Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước. Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước., Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ. Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ. Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Số tiền đã chuyển toàn bộ dư nợ quá hạn 34.479.260 đồng lẫn gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là có căn cứ pháp luật.

Xét Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền còn thiếu tạm tính từ ngày 23/12/2022 đến ngày 25/09/2024 là **65.140.715** (sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười lăm) đồng. Cụ thể là: Số tiền nợ gốc: **34.479.260** (ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi) đồng. Số tiền lãi quá hạn **30.661.455** (ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 23/12/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần liên hệ đề nghị bà H thanh toán nhưng bà H vẫn không thực hiện trả nợ gốc cho Ngân hàng TMCP SGTG là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết. Đồng thời, vi phạm Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 23/12/2022 cho Ngân hàng TMCP SGTG.

Cụ thể như sau: số tiền nợ gốc: **34.479.260** đồng + số tiền lãi quá hạn: **30.661.455** đồng. Tổng cộng số tiền là **65.140.715** (sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười lăm) đồng thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật thì như phân tích trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Bích H phải chịu án phí trên tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT.

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Vắng mặt đối với Ngân hàng TMCP SGTT và bà Hoàng Thị Bích H.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT.

1. Buộc bà Hoàng Thị Bích H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền **65.140.715** (sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười lăm) đồng. Trong đó gồm: số tiền nợ gốc: **34.479.260** (ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi) đồng và số tiền lãi quá hạn: **30.661.455** (ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền lãi được tính tiếp cho bà Hoàng Thị Bích H kể từ ngày 26/9/2024 trên số tiền thực tế vay cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận ký kết theo hợp đồng để sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 24/9/2020.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Bích H phải chịu là 3.257.036 (ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng, nộp tại cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.292.338 (một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn ba trăm ba mươi tám) đồng cho Ngân hàng TMCP SGTT đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033060 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP SGTT và bà Hoàng Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc